TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2026.
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Quách Minh Nhiên và bà Phạm Thị Nga.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thanh Uyên - Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 95/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026 về việc: "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Văn Thị T, sinh năm 1975; Nơi ĐKTT: Khu F (nay là thôn F), xã C, tỉnh Phú Thọ; Chỗ ở hiện nay: Khu B (nay là thôn B), xã C, tỉnh Phú Thọ.

2. Bị đơn: Anh Phạm Bắc T1, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số nhà A, Khu F (nay là thôn F), xã C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có mặt; Anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – chị Vũ Thị T2 trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T2 và anh Phạm Bắc T1 tự nguyện tìm hiểu và đã đăng kí kết hôn dựa trên cơ cở tự nguyện vào năm 1996. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện K, tỉnh Hòa Bình (nay là xã C, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường tại huyện

C, tỉnh Hòa Bình cũ (nay là xã C, tỉnh Phú Thọ). Tuy nhiên, đến khoảng năm 1998, khi chị T2 sinh con đầu lòng thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mẫu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng thường xuyên cãi vã, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 không tôn trọng chị và gia đình chị T2, mỗi khi đi nhậu về anh T1 mắng chửi vợ con, tình cảm vợ chồng nhiều rạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài. Hai vợ chồng chị đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để hai vợ chồng hàn gắn nhưng anh T1 không thay đổi tính cách, bản thân chị đã nhẫn nhịn nhiều năm. Gia đình hai bên đã tiến hành hòa giải nhiều lần, tuy nhiên vợ chồng không thể hàn gắn. Vợ chồng chị hiện đã ly thân, không còn chung sống một nhà, không ai quan tâm đến ai. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, chị T2 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Bắc T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Hữu N, sinh ngày 03/10/1997 và Phạm Ánh H, sinh ngày 07/6/2003. Các con đều đã thành niên nên chị T2 không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung. Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

- Về án phí ly hôn: Chị Văn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn.

**** Theo biên bản lấy lời khai và tại các buổi hòa giải phía bị đơn – anh Phạm Bắc T1 trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Văn Thị T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện K, tỉnh Hòa Bình (nay là xã C, tỉnh Phú Thọ) năm 1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại Khu F, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình cũ (nay là xã C, tỉnh Phú Thọ). Quá trình chung sống, anh T1 nhận thấy vợ chồng đôi khi có xảy ra mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, tuy nhiên chưa đến mức gay gắt. Anh T1 đang cố gắng thay đổi bản thân và có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để có gia đình cho con cháu được sum vầy. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T1, quan điểm của anh T1 không đồng ý ly hôn, anh muốn vợ chồng anh hàn gắn tình cảm.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Hữu N, sinh ngày 03/10/1997 và Phạm Ánh H, sinh ngày 07/6/2003. Các con chung đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Xác nhận vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị T ly hôn với anh T1. Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Hữu N, sinh ngày 03/10/1997 và Phạm Ánh H, sinh ngày 07/6/2003. Các con chung đã thành niên nên không xem xét giải quyết về con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đều xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập. Về án phí, nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc ly hôn. Đồng thời, bị đơn – anh Phạm Bắc T1 có đăng ký thường trú tại Khu F (nay là thôn F), xã C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ - HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ.

Bị đơn – anh Phạm Bắc T1 đã được tống đạt các văn bản tố tụng đến phiên toà hợp pháp hai lần nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị T và anh Phạm Bắc T1 là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xác định là hôn nhân hợp pháp, được xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong thời gian chung sống cùng nhau, vợ chồng anh T1 và chị T phát sinh mâu thuẫn về quan điểm, không có tiếng nói chung, giữa hai bên thường xuyên cãi vã, chung sống không hạnh phúc; Theo lời trình bày của các đương sự và qua xác minh thể hiện anh T1 và chị T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 02/2026 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh T1 xảy ra mẫu thuẫn kéo dài, hiện đã sống ly thân, cuộc sống chung thực

tế không tồn tại, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với thực tế sinh sống hiện nay của vợ chồng, nên được chấp nhận.

Về con chung: Chị Văn Thị T và anh Phạm Bắc T1 có 02 con chung tên Phạm Hữu N, sinh ngày 03/10/1997 và Phạm Ánh H, sinh ngày 07/6/2003. Các con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Văn Thị T và anh Phạm Bắc T1 cùng có quan điểm vợ chồng không có tài sản chung và không có công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án.

Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Nghị quyết số 01/2025/NQ - HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Văn Thị Tuyết .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị T được ly hôn với anh Phạm Bắc T1.

2. Về án phí: Chị Văn Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai số 0002048 ngày 17/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xét xử hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 12;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Cao Phong, tỉnh Phú Thọ;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Quỳnh Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN TÒA **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN**